

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: ông Nguyễn Tấn Đạt, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ cũ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ hiện tại: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ hiện tại: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P và bà H là hàng xóm với nhau, bà P có cho bà Phạm Thị H vay các khoản tiền cụ thể như sau:

Lần 1: vào ngày 01/11/2022 dương lịch, bà H đến nhà bà P để hỏi vay số tiền là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), có làm biên nhận tay do bà P viết, bà H có đọc lại và đồng ý ký tên, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, bà H vay tiền để làm vốn mua lúa, khi vay hai bên không có thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể mà chỉ thống nhất ghi trong biên nhận là khi nào bà P cần tiền thì báo cho bà H biết trước một tháng thì bà H sẽ trả đủ tiền cho bà P. Biên nhận nợ được viết thành hai bản chính, mỗi người giữ một bản. Từ tháng 12/2022 dương lịch đến tháng 02/2025 dương lịch bà H có đóng tiền lãi cho bà P được 26 tháng, mỗi tháng 3.000.000đ với số tiền là 78.000.000đ (bảy mươi tám triệu đồng), khi bà H đóng tiền lãi thì hai bên không có làm biên nhận.

Lần 2: vào ngày 08/3/2024 dương lịch, bà H tiếp tục đến nhà bà P để hỏi vay số tiền là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lần này hai bên không làm biên nhận mới mà bà H trực tiếp viết biên nhận nợ 40.000.000 đồng vào biên nhận lần 1 ngày 01/11/2022 dương lịch, bà H ký tên và giao mỗi người giữ một bản, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, bà H vay tiền cũng để làm vốn mua lúa, thời hạn trả tiền hai bên cũng thống nhất như lần vay thứ nhất khi nào bà P cần tiền thì báo trước cho bà H một tháng, bà H sẽ trả tiền cho bà P. Sau khi nhận tiền xong bà H có đóng tiền lãi cho bà P từ tháng 4/2024 dương lịch đến tháng 02/2025 dương lịch là 10 tháng, mỗi tháng 1.000.000đ, số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), khi bà H đóng tiền lãi thì hai bên cũng không có làm biên nhận.

Khi bà H ngưng đóng lãi khoảng 03 tháng thì bà P có đến nhà bà H để yêu cầu bà H trả lại số tiền vay nhưng bà H chỉ hứa hẹn và trì hoãn không trả nợ cho đến nay.

Bà P khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà P số tiền vay gốc là 160.000.000 đồng và lãi suất từ 05/01/2025 đến ngày 05/5/2025, với mức lãi suất 1,66%/tháng số tiền là 10.624.000đ (mười triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ngày 10/7/2025, bà P có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà P khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà P số tiền nợ gốc là 160.000.000đ, không tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng bà H vắng mặt không có lý

do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc đã vay là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Về án phí: buộc bà Phạm Thị H nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã S, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Thị P cho rằng vào ngày 01/11/2022 dương lịch và ngày 08/3/2024 dương lịch có cho bà Phạm Thị H vay số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 2,5%, thỏa thuận khi nào bà P cần tiền thì cho bà H hay trước 01 tháng thì bà H sẽ trả tiền vốn lại cho bà P. Bà P có đến gặp bà H để thông báo việc trả nợ nhưng bà H trốn tránh nghĩa vụ. Nay bà P yêu cầu bà H trả lại số tiền vay gốc là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), không tính lãi suất.

Xét thấy, bà P có cung cấp chứng cứ là bản chính “Biên nhận” ngày 01/11/2022, thể hiện việc bà H có vay của bà P số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 2,5%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn vay mà chỉ thỏa thuận khi nào bà P cần thì cho bà H hay trước 01 tháng thì bà H sẽ trả tiền vốn lại cho bà P, “Biên nhận” có chữ ký và họ tên bà Phạm Thị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định có cơ sở chứng minh có sự việc bà Phạm Thị H vay tiền của bà Nguyễn Thị P 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét việc rút yêu cầu tính lãi suất của bà P

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P rút lại yêu cầu tính lãi suất từ 05/01/2025 đến ngày 05/5/2025, với mức lãi suất 1,66%/tháng số tiền là 10.624.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của bà P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút yêu cầu tính lãi suất của bà P.

[3.3] Xét việc vắng mặt của bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Theo xác nhận thông tin nơi cư trú ngày 20/6/2025 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Công an xã S, tỉnh Vĩnh Long) thì bà Phạm Thị H, sinh năm 1965, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị H về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, bà H không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án, không đến tham gia phiên hòa giải và cũng tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và bà H phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong vụ án.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 280, Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 147; Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay gốc là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu bà Phạm Thị H phải trả lãi suất từ ngày 05/01/2025 đến ngày 05/5/2025, với mức lãi suất 1,66%/tháng số tiền là 10.624.000đ (mười triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b ;
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- Đương sự: 03b;
- Lưu: 04b.

Ngô Thị Ngọc Trinh

